

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03 - 04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2015	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 40

1789-
GTY
NHỮNG
TOÁN
P.L
CCHI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000, và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 58 00000 424 vào ngày ngày 13 tháng 08 năm 2015 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Ngày 13 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Đăng ký niêm yết cổ phiếu số 04/GCN-SGDHN ngày 07 tháng 01 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 68 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 36.000.000.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 4 công ty con:

- Công ty Cổ Phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng,
- Công ty Cổ Phần Hiệp Thành
- Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng 40

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Trung	Phó Chủ tịch
Ông Hầu Văn Tuấn	Thành viên
Ông Lê Đình Hòa	Thành viên
Ông Bùi Trung Trực	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Tô Văn An	Trưởng ban
Ông Vũ Hồng Tuấn	Thành viên
Ông Lê Huy Sáu	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Đình Hiến	Tổng Giám đốc
Ông Kim Ngọc Đăng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ ĐÌNH HIÊN

Số: 16.112HN/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2016 từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẶNG XUÂN CẢNH
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0067-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



LỘ NGUYỄN THÚY PHƯỢNG
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1191-2013-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		219.391.883.477	172.995.524.788
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	26.841.668.437	36.580.192.649
1. Tiền	111		17.528.529.107	15.782.192.649
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.313.139.330	20.798.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.209.000.000	4.547.000.000
1. Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	123	5.2	11.209.000.000	4.547.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		141.622.893.037	89.580.547.361
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	138.408.776.215	87.074.499.990
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.103.148.978	3.469.601.643
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		119.580.000	114.580.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	8.877.897.014	7.541.718.736
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(9.094.379.309)	(8.619.853.008)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		207.870.139	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	39.569.780.376	41.867.756.741
1. Hàng tồn kho	141		40.150.877.547	42.544.139.595
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(581.097.171)	(676.382.854)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		148.541.627	420.028.037
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	65.900.000	395.597.637
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.966.195	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	71.675.432	24.430.400
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		164.133.559.359	96.059.617.410
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		881.018.203	716.216.712
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	881.018.203	716.216.712
II. Tài sản cố định	220		129.854.880.735	92.927.239.444
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	126.711.443.138	89.532.137.706
Nguyên giá	222		353.289.685.214	268.091.545.048
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(226.578.242.076)	(178.559.407.342)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	3.143.437.597	3.395.101.738
Nguyên giá	228		6.929.692.098	6.929.692.098
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.786.254.501)	(3.534.590.360)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		18.107.766.549	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	18.107.766.549	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		15.289.893.872	2.416.161.254
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	6.036.026.455	2.043.380.141
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.17	128.282.710	372.781.113
3. Lợi thế thương mại	269		9.125.584.708	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		383.525.442.836	269.055.142.198

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

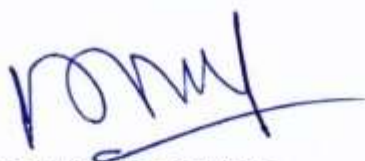
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		133.580.628.059	77.499.561.945
I. Nợ ngắn hạn	310		131.974.368.059	77.429.561.945
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	53.736.821.656	24.491.802.908
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.860.698.049	17.861.221.687
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	7.552.320.251	5.182.689.271
4. Phải trả người lao động	314		12.889.791.332	10.533.066.730
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	5.731.483.087	2.273.702.188
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	10.853.994.023	6.087.902.060
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	20.970.461.000	6.248.390.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.16	3.986.500.000	3.500.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.392.298.661	1.250.787.101
II. Nợ dài hạn	330		1.606.260.000	70.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	1.606.260.000	-
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	70.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		249.944.814.777	191.555.580.253
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	249.944.814.777	191.555.580.253
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	20.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.000.000.000	20.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.052.708.180	14.131.963.290
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		58.035.046.397	46.400.960.818
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		46.878.085.649	43.552.013.150
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		29.818.579.505	26.852.420.182
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.059.506.144	16.699.592.968
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		87.978.974.552	67.470.642.995
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		383.525.442.836	269.055.142.198

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN NGỌC DŨNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HÀU VĂN TUẤN

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ ĐÌNH HIẾN

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	418.164.804.812	365.790.431.893
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	2.051.190.726	441.901.818
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		416.113.614.086	365.348.530.075
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	319.465.421.665	295.037.094.143
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		96.648.192.421	70.311.435.932
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	1.354.756.011	2.238.467.330
7. Chi phí tài chính	22	6.5	458.603.210	673.995.430
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>403.755.559</i>	<i>606.744.156</i>
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	10.467.368.115	9.313.707.702
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	38.390.859.249	29.693.287.994
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.686.117.858	32.868.912.136
11. Thu nhập khác	31	6.8	5.742.631.937	3.621.056.807
12. Chi phí khác	32		456.005.767	1.011.706.350
13. Lợi nhuận khác	40		5.286.626.170	2.609.350.457
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		53.972.744.028	35.478.262.593
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	11.505.974.227	7.967.868.017
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		235.609.514	11.587.517
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		42.231.160.288	27.498.807.059
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		26.074.543.050	21.699.592.968
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		16.156.617.238	5.799.214.091
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.18.4	9.842	10.850
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.18.4	9.842	10.850

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN NGỌC DŨNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HẬU VĂN TUẤN

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ ĐÌNH HIÊN

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		53.972.744.028	35.478.262.593
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		29.852.114.156	26.667.296.333
Các khoản dự phòng	03		587.177.341	174.682.514
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(275.660)	(63.108.997)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.778.787.135)	(2.722.885.224)
Chi phí lãi vay	06		403.755.559	606.744.156
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		81.036.728.289	60.140.991.375
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(31.974.092.967)	(32.226.931.756)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.393.262.048	(6.573.998.414)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		7.821.209.950	(2.106.250.223)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.662.948.677)	2.819.472.255
Tiền lãi vay đã trả	14		(403.755.559)	(606.744.156)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.265.215.427)	(6.485.118.399)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(354.693.549)	(299.759.559)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43.590.494.108	14.661.661.123

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(59.357.090.649)	(23.844.470.724)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.163.636.366	1.255.909.092
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(31.509.000.000)	(10.058.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17.592.000.000	10.803.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.213.350.643	2.132.370.433
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(68.897.103.640)	(19.711.191.199)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		23.015.290.345	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	37.098.632.900	43.451.959.509
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(22.376.561.900)	(42.266.959.509)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.198.297.250)	(13.822.908.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		15.539.064.095	(12.637.908.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(9.767.545.437)	(17.687.438.676)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		36.580.192.649	54.254.971.705
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		29.021.225	12.659.620
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		26.841.668.437	36.580.192.649

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN NGỌC DŨNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HẬU VĂN TUẤN

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ ĐÌNH HIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000, và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 58 00000 424 ngày 13 tháng 08 năm 2015 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Ngày 13 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 04/GCN-SGDHN ngày 07 tháng 01 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 36.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 68 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Công ty có đầu tư vào 4 công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 687 nhân viên (31/12/2014: 581 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Thi công các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước. Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông;
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng;
- Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa, dung dịch các loại;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn.
- Hoạt động xuất nhập khẩu;
- Trồng rừng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Số lượng các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp:

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty Cổ Phần Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt	55,16%	55,16%
2.	Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	201/58 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	51,00%	51,00%

Các công ty con gián tiếp:

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty Cổ phần Hiệp Thành	Tam Bó, Di Linh, Lâm Đồng	60,02%	33,11%
2.	Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt	100%	55,16%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Tập đoàn đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

4.1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của các ngân hàng có giao dịch.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của các ngân hàng thương mại tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.2 Áp dụng các Hướng dẫn kế toán mới

Tập đoàn áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính để soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4.3 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

4.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao.

Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ"

4.6 Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.7 Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiêm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÙY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí đền bù, cấp quyền khai thác mỏ, công cụ dụng cụ... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí đền bù, phí cấp quyền khai thác mỏ được phân bổ không quá 02 năm.
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 02 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2015
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 12 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
▪ Cây lâu năm và tài sản khác	04 - 07 năm

4.10 Tài sản cố định vô hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÙY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại :

- Tại 87 Phú Đồng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt: Đã trích hết khấu hao.
- Tại Xí Nghiệp Hiệp Tiến: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.
- Tại Xí Nghiệp Thạnh Mỹ: Quyền sử dụng đất có thời hạn 12 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.
- Tại kho Định An – Đức Trọng: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.
- Tại nhà nghỉ Đa Têh: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.
- Tại số 68 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.11 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.12 Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

4.13 Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.14 Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí hoàn nguyên, chi phí sửa chữa... ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí lãi vay.

4.15 Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong kỳ vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

4.16 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

4.17 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.18 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4.19 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

4.20 Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

4.21 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong năm.

4.22 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.23 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.24 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế là 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

4.25 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.26 Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

4.27 Số liệu so sánh

Như trình bày tại mục 4.2, từ năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do ảnh hưởng của việc áp dụng các hướng dẫn trong thông tư này nên để bảo đảm tính so sánh của các số liệu, một số số liệu của bảng cân đối hợp nhất ngày 31/12/2014, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 đã được báo cáo lại, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (trích):

	Đầu năm Được báo cáo lại	VND Đầu năm Đã được báo cáo trước đây
Phải thu ngắn hạn khác	7.541.718.736	6.426.255.865
Tài sản ngắn hạn khác	-	1.230.042.871
Phải thu về cho vay ngắn hạn	114.580.000	-
Phải thu dài hạn khác	716.216.712	-
Tài sản dài hạn khác	-	716.216.712
Vay và các khoản nợ thuê tài chính	6.248.390.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	6.087.902.060	12.336.292.060

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (trích):

	Năm trước Được báo cáo lại	VND Năm trước Đã được báo cáo trước đây
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	365.790.431.893	367.114.370.334
Các khoản giảm trừ	441.901.818	1.765.840.259
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	365.348.530.075	365.348.530.075
Doanh thu hoạt động tài chính	2.238.467.330	2.239.306.695
Chi phí tài chính	673.995.430	674.834.795
Thu nhập khác	3.621.056.807	4.286.451.108
Chi phí khác	1.011.706.350	1.677.100.651

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (trích):

	Năm trước Được báo cáo lại	VND Năm trước Đã được báo cáo trước đây
Tăng giảm các khoản phải thu	(32.226.931.756)	(32.186.796.765)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(299.759.559)	(339.894.550)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.217.731.043	362.908.834
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.310.798.064	15.419.283.815
Các khoản tương đương tiền	9.313.139.330	20.798.000.000
Cộng	26.841.668.437	36.580.192.649

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng với lãi suất 5,9%/năm.

5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Xây Dựng Đông Nam	4.646.937.948	4.646.937.948
BQLDA Nông Nghiệp Tỉnh Long An	-	12.418.215.756
Traffic Trade JSC	-	13.648.200.000
Công ty TNHH sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	11.928.499.900	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 2	15.524.714.067	4.384.221.807
Ban Quản lý Bà Rịa Vũng Tàu	7.714.413.117	-
BQLDA nâng cao chất lượng ATSPNN Lâm Đồng	9.622.475.500	-
Các khách hàng khác	88.971.735.683	51.976.924.479
Cộng	138.408.776.215	87.074.499.990

5.4. Phải thu khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu khách hàng mảng xây lắp	4.425.873.866	4.425.873.866	4.425.873.866	4.425.873.866
Phải thu cho các cá nhân, tổ chức vay	1.047.158.500	-	1.554.299.000	-
Tạm ứng	1.965.686.627	-	1.230.042.871	-
Phải thu khác	1.439.178.021	186.967.488	331.502.999	38.204.650
Cộng	8.877.897.014	4.612.841.354	7.541.718.736	4.464.078.516
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	881.018.203	-	716.216.712	-
Cộng	881.018.203	-	716.216.712	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

5.5. Nợ xấu

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn	4.694.903.747	211.792.570	4.208.839.836	53.250.344
Tổng giá trị các khoản phải thu khác quá hạn	4.612.841.354	1.573.222	4.464.263.516	-
Cộng	9.307.745.101	213.365.792	8.673.103.352	53.250.344

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	VND					
	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn	4.694.903.747	211.792.570	Từ 1 - 3 năm	4.208.839.836	53.250.344	Từ 2 - 3 năm
Tổng giá trị các khoản phải thu khác quá hạn	4.612.841.354	1.573.222	Trên 3 năm	4.464.263.516	-	Trên 3 năm
Cộng	9.307.745.101	213.365.792		8.673.103.352	53.250.344	

5.6. Hàng tồn kho

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.051.378.739	-	11.370.604.242	-
Công cụ, dụng cụ	261.527.938	-	385.120.213	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.800.420.013	-	14.964.643.149	-
Thành phẩm	11.214.840.302	581.097.171	14.196.173.900	676.382.854
Hàng hóa	1.822.710.555	-	1.627.598.091	-
Cộng	40.150.877.547	581.097.171	42.544.139.595	676.382.854

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định khác	VND Tổng cộng
Nguyên giá:							
Số dư đầu năm	55.051.380.829	174.662.167.073	36.548.056.238	992.921.150	520.611.939	316.407.819	268.091.545.048
Mua trong năm	783.264.749	27.339.131.234	30.273.978.181	166.181.818	-	-	58.562.555.982
Tăng khi thụ đắc công ty con	13.558.215.152	15.417.565.414	8.353.190.118	31.545.455	-	-	37.360.516.139
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.856.602.574)	(1.868.329.381)	-	-	-	(10.724.931.955)
Số dư cuối năm	69.392.860.730	208.562.261.147	73.306.895.156	1.190.648.423	520.611.939	316.407.819	353.289.685.214
Giá trị hao mòn lũy kế:							
Số dư đầu năm	31.134.519.044	122.685.688.876	23.217.317.280	780.749.324	441.962.865	299.169.953	178.559.407.342
Khấu hao trong năm	2.557.976.305	19.827.777.328	6.986.975.899	148.873.885	61.608.732	17.237.866	29.600.450.015
Tăng khi thụ đắc công ty con	9.062.545.373	14.192.835.262	5.287.248.709	2.487.456	-	-	28.545.116.800
Tăng giảm khác	-	737.457.536	(737.457.536)	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.258.402.700)	(1.868.329.381)	-	-	-	(10.126.732.081)
Số dư cuối năm	42.755.040.722	149.185.356.302	32.885.754.971	932.110.665	503.571.597	316.407.819	226.578.242.076
Giá trị còn lại:							
Tại ngày đầu năm	23.916.861.785	51.976.478.197	13.330.738.958	212.171.826	78.649.074	17.237.866	89.532.137.706
Tại ngày cuối năm	26.637.820.008	59.376.904.845	40.421.140.185	258.537.758	17.040.342	-	126.711.443.138

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 106.132.956.946 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục				VND
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Chi phí đền bù, thăm dò	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	3.884.797.000	516.100.000	2.528.795.098	6.929.692.098
Số dư cuối năm	3.884.797.000	516.100.000	2.528.795.098	6.929.692.098
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số dư đầu năm	1.120.786.000	219.066.778	2.194.737.582	3.534.590.360
Khấu hao trong năm	-	113.793.333	137.870.808	251.664.141
Số dư cuối năm	1.120.786.000	332.860.111	2.332.608.390	3.786.254.501
Giá trị còn lại:				
Tại ngày đầu năm	2.764.011.000	297.033.222	334.057.516	3.395.101.738
Tại ngày cuối năm	2.764.011.000	183.239.889	196.186.708	3.143.437.597

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.995.131.520 VND

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	VND Đầu năm
Chi phí sửa chữa kho Thủ Đức	4.037.797.231	-
Chi phí sửa chữa kho Nam Hòa	4.265.682.924	-
Chi phí sửa chữa kho Bến Lức	9.761.583.657	-
Mua sắm TSCĐ	42.702.737	-
Cộng	18.107.766.549	-

5.10. Chi phí trả trước

	Cuối năm	VND Đầu năm
Ngắn hạn:		
Chi phí chờ phân bổ	65.900.000	395.597.637
Cộng	65.900.000	395.597.637
Dài hạn:		
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	1.532.891.585	491.778.006
Chi phí xây dựng trạm bê tông	-	402.783.733
Chi phí sửa chữa	796.505.524	1.148.818.402
Chi phí sử dụng đất có thời hạn	2.417.955.660	-
Chi phí chờ phân bổ	341.390.686	-
Chi phí đền bù	947.283.000	-
Cộng	6.036.026.455	2.043.380.141

Trong đó các khoản chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản được chi tiết như sau:

	Cuối năm	VND Đầu năm
Phí cấp quyền khai thác mỏ Tam Bó	78.265.934	39.132.967
Phí cấp quyền khai thác mỏ Thạnh Mỹ	209.005.000	313.507.500
Phí cấp quyền khai thác mỏ Cam Ly	278.275.077	139.137.539
Phí cấp quyền khai thác mỏ Đa Quý	514.864.622	-
Phí cấp quyền khai thác mỏ Lộc Tân	(196.795.478)	-
Phí cấp quyền khai thác mỏ Nthon Hạ	208.286.430	-
Phí cấp quyền khai thác mỏ Tutra	440.990.000	-
Cộng	1.532.891.585	491.778.006

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

5.11. Vay ngắn hạn

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn ngân hàng	12.456.071.000	12.456.071.000	20.493.803.200	8.037.732.200	-	-	-
Vay ngắn hạn đối tượng khác	8.298.390.000	8.298.390.000	16.388.829.700	14.338.829.700	6.248.390.000	6.248.390.000	6.248.390.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	216.000.000	216.000.000	216.000.000	-	-	-	-
Cộng	20.970.461.000	20.970.461.000	37.098.632.900	22.376.561.900	6.248.390.000	6.248.390.000	6.248.390.000

Trong đó khoản vay ngắn hạn đối với bên liên quan là khoản vay của Ông Lê Đình Hiền với số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2015 là 5.054.427.500 VND – Xem thêm mục 9.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

5.12. Phải trả người bán người bán ngắn hạn

	Cuối năm	VND Đầu năm
Công ty CP Nền móng và Xây Dựng ACC-BVA	3.000.000.000	3.277.324.200
DNTN Nguyễn Mậu	3.085.333.951	-
Công ty TNHH Hoàng Minh	7.473.994.000	-
Công ty TNHH Phước Tiến	2.490.531.681	3.190.531.681
Phải trả cho các đối tượng khác	37.686.962.024	18.023.947.027
Cộng	<u>53.736.821.656</u>	<u>24.491.802.908</u>

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	VND Cuối năm
Phải nộp:				
Thuế GTGT	1.299.168.169	13.122.718.007	10.707.680.510	3.714.205.666
Thuế TNDN	2.289.100.650	11.369.844.830	10.705.483.852	2.953.461.628
Thuế TNCN	378.867.605	1.530.735.114	1.500.061.102	409.541.617
Thuế tài nguyên	806.814.815	2.358.025.420	3.009.906.620	154.933.615
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	63.302.932	1.621.351.537	1.432.202.764	252.451.705
Các loại thuế khác	345.435.100	1.004.276.348	1.281.985.428	67.726.020
Cộng	<u>5.182.689.271</u>	<u>31.006.951.256</u>	<u>28.637.320.276</u>	<u>7.552.320.251</u>
Phải thu:				
Thuế TNDN	-	512.486.543	559.731.575	47.245.032
Thuế tài nguyên	22.903.500	-	-	22.903.500
Các khoản phí, lệ phí	1.526.900	-	-	1.526.900
Cộng	<u>24.430.400</u>	<u>447.628.374</u>	<u>559.731.575</u>	<u>71.675.432</u>

5.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối năm	VND Đầu năm
Trích trước chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	-	1.526.410.928
Trích trước chi phí hoàn nguyên	881.018.203	716.216.712
Trích trước chi phí điện trạm bê tông Bảo Lộc	-	31.074.548
Trích trước giá vốn công trình xây dựng	4.595.258.000	-
Trích trước chi phí sửa chữa	255.206.884	-
Cộng	<u>5.731.483.087</u>	<u>2.273.702.188</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

5.15. Phải trả khác

	Cuối năm	VND Đầu năm
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	240.605.564	200.685.724
BHXH, BHYT, BHTN	90.582.084	7.970.300
Cổ tức phải trả	7.437.500	7.437.500
Thu tiền đặt cọc bán tài sản	-	944.890.000
Phải trả tiền thi công công trình	8.280.589.987	3.396.546.850
Tiền ký quỹ thế chân lái xe	127.000.000	105.000.000
Phải trả vốn Nhà nước	50.750.000	50.750.000
Thu hồi nhiên liệu	77.472.000	77.472.000
Phải trả lương công trình	106.700.000	573.000.000
Phải trả khác	1.872.856.888	724.149.686
Cộng	10.853.994.023	6.087.902.060
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.606.260.000	-
Cộng	1.606.260.000	-

5.16. Dự phòng phải trả

Là khoản dự phòng bảo hành các công trình đã thi công.

5.17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Cuối năm	VND Đầu năm
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	128.282.710	372.781.113

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

5.18. Vốn chủ sở hữu

5.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	VND Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	14.131.963.290	42.364.898.639	35.888.482.361	67.258.418.501	179.643.762.791
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	21.699.592.968	5.799.214.091	27.498.807.059
Trích quỹ	-	-	4.036.062.179	(4.036.062.179)	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	(10.000.000.000)	(3.821.721.100)	(13.821.721.100)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.765.268.497)	(1.765.268.497)
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	14.131.963.290	46.400.960.818	43.552.013.150	67.470.642.995	191.555.580.253
Tăng vốn trong kỳ	16.000.000.000	6.920.744.890	-	-	-	22.920.744.890
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	26.074.543.050	16.156.617.238	42.231.160.288
Trích quỹ	-	-	10.490.673.340	(10.490.673.340)	236.290.656	236.290.656
Thay đổi từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	1.240.901.805	14.637.385.796	15.878.287.601
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(220.577.123)	(93.249.055)	(313.826.178)
Chia cổ tức	-	-	-	(12.200.000.000)	(10.151.215.000)	(22.351.215.000)
Giảm khác	-	-	1.143.412.239	(1.078.121.893)	(277.498.078)	(212.207.732)
Số dư cuối năm nay	36.000.000.000	21.052.708.180	58.035.046.397	46.878.085.649	87.978.974.552	249.944.814.777

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

5.18.2. Chi tiết vốn góp của cổ đông

	Cuối năm	VND Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác	36.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	36.000.000.000	20.000.000.000

5.18.3. Cổ phiếu

	Cuối năm	VND Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	3.600.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	3.600.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	3.600.000	2.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

5.18.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phần

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế sau khi trích quỹ khen thưởng phúc lợi của các cổ đông của công ty mẹ	25.853.965.927	21.699.592.968
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	2.626.849	2.000.000
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phần	9.842	10.850

5.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	16.934,94	21.079,66
	Cuối năm	Đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý	3.060.379.921	3.060.379.921

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu thi công công trình thủy lợi	130.210.240.299	160.729.316.500
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	368.789.863
Doanh thu khai thác khoáng sản và VLXD	287.954.564.513	204.692.325.530
Cộng	418.164.804.812	365.790.431.893

6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản giảm giá hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÙY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

6.3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn thi công công trình thủy lợi	111.859.169.417	134.127.871.090
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	221.405.020
Giá vốn hoạt động khai thác khoáng sản và VLXD	207.606.252.248	160.687.818.033
Cộng	<u>319.465.421.665</u>	<u>295.037.094.143</u>

6.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.213.350.643	2.132.370.433
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	140.196.357	42.351.215
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	275.660	63.108.997
Doanh thu khác	933.351	636.685
Cộng	<u>1.354.756.011</u>	<u>2.238.467.330</u>

6.5. Chi phí tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền vay	403.755.559	606.744.156
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	45.152.192
Chi phí tài chính khác	54.847.651	22.099.082
Cộng	<u>458.603.210</u>	<u>673.995.430</u>

6.6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.911.610.565	2.584.903.219
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.446.779.374	1.932.044.681
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	9.272.727	46.965.314
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.074.776.625	2.194.142.245
Chi phí dịch vụ mua ngoài	816.332.522	1.539.561.244
Chi phí bằng tiền khác	1.208.596.302	1.016.090.999
Cộng	<u>10.467.368.115</u>	<u>9.313.707.702</u>

6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	22.592.691.600	18.311.124.158
Chi phí vật liệu, bao bì	1.367.068.221	1.547.584.139
Chi phí đồ dùng văn phòng	922.899.943	1.101.965.933
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.610.344.819	1.978.531.136
Thuế, phí và lệ phí	1.579.602.759	663.464.632
Chi phí dự phòng	230.043.024	(660.857.047)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.047.437.180	980.317.650
Chi phí bằng tiền khác	8.040.771.703	5.771.157.393
Cộng	<u>38.390.859.249</u>	<u>29.693.287.994</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

6.8. Thu nhập khác

	Năm nay	VND Năm trước
Hoàn nhập khoản dự phòng bảo hành công trình	2.614.211.589	2.478.563.636
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.565.436.492	590.514.791
Thu nhập khác	562.983.856	551.978.380
Cộng	5.742.631.937	3.621.056.807

6.9. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	201.129.660.163	181.261.005.641
Chi phí nhân công	73.523.584.337	68.427.526.103
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.852.114.156	26.667.296.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.495.641.372	41.530.231.717
Chi phí bằng tiền khác	19.372.204.731	21.833.822.821
Cộng	370.373.204.759	339.719.882.615

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành của các công ty trong Tập đoàn	11.505.974.227	7.967.868.017
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	11.505.974.227	7.967.868.017

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1. Các khoản đi vay thực thu trong năm

	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	20.709.803.200
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	16.388.829.700
Cộng	37.098.632.900

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	VND
Tiền chi trả nợ gốc vay từ đi vay theo kế ước thông thường	(8.037.732.200)
Tiền chi trả nợ gốc vay từ đi vay dưới hình thức khác	(14.338.829.700)
Cộng	(22.376.561.900)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Thi công công trình thủy lợi
- Kinh doanh vật liệu xây dựng; giao khoán và khai thác mỏ
- Sản xuất và kinh doanh gốm sứ chịu lửa
- Khai thác và chế biến cao lanh
- Khai thác đá và sản xuất bê tông chịu lực
- Sản xuất gạch Tuynel
- Dịch vụ vận chuyển, bơm bê tông.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Báo cáo bộ phận theo ngành nghề kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chỉ tiêu	VND						
	<u>Thi công công trình</u>	<u>Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ</u>	<u>Gốm sứ chịu lửa</u>	<u>Gạch</u>	<u>Cao lanh</u>	<u>Loại trừ</u>	<u>Tổng cộng</u>
Doanh thu thuần	280.186.560.776	40.166.459.092	34.071.371.178	68.831.383.144	40.173.511.425	(47.315.671.529)	416.113.614.086
GVHB	225.168.294.165	37.508.600.730	23.271.550.847	52.104.486.057	29.887.818.962	(48.475.329.096)	319.465.421.665
Lãi gộp	55.018.266.611	2.657.858.362	10.799.820.331	16.726.897.087	10.285.692.463	1.159.657.567	96.648.192.421
Chi phí bán hàng	7.252.766.574	44.579.710	1.197.173.916	1.346.253.416	626.594.499	-	10.467.368.115
Chi phí QLDN	24.478.053.097	1.751.899.757	3.408.355.912	4.767.095.597	4.018.788.222	(33.333.336)	38.390.859.249
Lợi nhuận từ HĐ bán hàng	23.287.446.940	861.378.895	6.194.290.503	10.613.548.074	5.640.309.742	1.192.990.903	47.789.965.057
Doanh thu tài chính	11.698.971.276	3.614.054.442	90.312	389.224.142	1.996.891	(14.349.581.052)	1.354.756.011
Chi phí tài chính	394.599.250	52.708.029	6.970.429	-	4.325.502	-	458.603.210
Lợi nhuận HĐ tài chính	11.304.372.026	3.561.346.413	(6.880.117)	389.224.142	(2.328.611)	(14.349.581.052)	896.152.801
Thu nhập khác	4.963.458.486	453.068.445	167.183.394	257.014.819	1.906.793	(100.000.000)	5.742.631.937
Chi phí khác	65.744.739	317.025.540	1.749.587	70.303.031	1.182.870	-	456.005.767
Lợi nhuận khác	4.897.713.747	136.042.905	165.433.807	186.711.788	723.923	(100.000.000)	5.286.626.170
Tổng lợi nhuận trước thuế	39.489.532.713	4.558.768.213	6.352.844.193	11.189.484.004	5.638.705.054	(13.256.590.149)	53.972.744.028
Chi phí thuế TNDN							11.505.974.227
Chi phí thuế hoãn lại							235.609.514
Lợi nhuận sau thuế							42.231.160.288
Lợi ích cổ đông thiểu số							(16.156.617.238)
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ							26.074.543.050

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Tài sản bộ phận và nợ phải trả bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	VND			
Khoản mục	Hoạt động thi công công trình	Hoạt động khai thác khoáng sản	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	266.894.727.847	186.333.177.331	(69.830.745.051)	383.397.160.126
Tài sản không phân bổ	40.404.040	87.878.670	-	128.282.710
Tổng tài sản	<u>266.935.131.887</u>	<u>186.421.056.001</u>	<u>(69.830.745.051)</u>	<u>383.525.442.836</u>
Nợ phải trả bộ phận	109.995.830.313	34.436.273.843	(10.851.476.097)	133.580.628.059
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	<u>109.995.830.313</u>	<u>34.436.273.843</u>	<u>(10.851.476.097)</u>	<u>133.580.628.059</u>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÙY LỢI LÂM ĐỒNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Báo cáo bộ phận theo ngành nghề kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	VND						
	<u>Thi công công trình</u>	<u>Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ</u>	<u>Gốm sứ chịu lửa</u>	<u>Gạch</u>	<u>Cao lanh</u>	<u>Loại trừ</u>	<u>Tổng cộng</u>
Doanh thu thuần	247.754.049.941	33.497.368.676	33.829.503.784	56.386.220.598	29.455.846.077	(35.574.459.001)	365.348.530.075
GVHB	200.422.493.331	35.097.859.615	24.489.393.557	45.327.191.826	25.173.862.956	(35.473.707.142)	295.037.094.143
Lãi gộp	47.331.556.610	(1.600.490.939)	9.340.110.227	11.059.028.772	4.281.983.121	(100.751.859)	70.311.435.932
Chi phí bán hàng	6.263.220.276	71.849.679	1.383.857.068	1.059.582.002	535.198.677	-	9.313.707.702
Chi phí QLDN	17.793.495.782	1.091.114.888	3.453.557.233	4.381.390.391	3.007.063.033	(33.333.333)	29.693.287.994
Lợi nhuận từ HĐ bán hàng	23.274.840.552	(2.763.455.506)	4.502.695.926	5.618.056.379	739.721.411	(67.418.526)	31.304.440.236
Doanh thu tài chính	5.495.246.347	3.350.609.566	51.092.333	508.412.256	673.102	(7.167.566.274)	2.238.467.330
Chi phí tài chính	627.833.415	44.138.651	38.892	-	1.984.472	-	673.995.430
Lợi nhuận HĐ tài chính	4.867.412.932	3.306.470.915	51.053.441	508.412.256	(1.311.370)	(7.167.566.274)	1.564.471.900
Thu nhập khác	3.163.933.522	15.656.582	4.033.419	432.409.282	5.024.002	-	3.621.056.807
Chi phí khác	66.185.122	782.604.473	104	148.126.890	14.789.761	-	1.011.706.350
Lợi nhuận khác	3.097.748.400	(766.947.891)	4.033.315	284.282.392	(9.765.759)	-	2.609.350.457
Tổng lợi nhuận trước thuế	31.240.001.884	(223.932.482)	4.557.782.682	6.410.751.027	728.644.282	(7.234.984.800)	35.478.262.593
Chi phí thuế TNDN							7.967.868.017
Chi phí thuế hoãn lại							11.587.517
Lợi nhuận sau thuế							27.498.807.059
Lợi ích cổ đông thiểu số							(5.799.214.091)
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ							21.699.592.968

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

				VND
Khoản mục	Hoạt động thi công công trình	Hoạt động khai thác khoáng sản	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	150.621.581.968	164.449.707.085	(46.388.927.968)	268.682.361.085
Tài sản không phân bổ	97.777.778	275.003.335	-	372.781.113
Tổng tài sản	150.719.359.746	164.724.710.420	(46.388.927.968)	269.055.142.198
Nợ phải trả bộ phận	54.812.009.845	23.907.003.401	(1.219.451.301)	77.499.561.945
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	54.812.009.845	23.907.003.401	(1.219.451.301)	77.499.561.945

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn chủ yếu tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực đại lý cần thiết phải thuyết minh.

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ Phần Khai Thác Khoáng Sản & VLXD Lâm Đồng	Công ty con
2. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con
3. Công ty Cổ Phần Hiệp Thành	Công ty con
4. Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Xây Dựng 40	Công ty con
5. Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư vay ngắn hạn với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	VND Đầu năm
Vay ngắn hạn – Xem thêm mục 5.11:		
Ông Lê Đình Hiến	5.054.427.500	-
Cộng	5.054.427.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Vay:		
Ông Lê Đình Hiền	5.454.427.500	-
Cộng	5.454.427.500	-

Tập đoàn nhận tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay từ các bên có liên quan không chịu lãi suất. Khoản vay này được bảo đảm và không có thời gian hoàn trả cụ thể.

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc của Công ty như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị của Công ty	480.000.000	480.000.000
Thu nhập Tổng Giám đốc của Công ty	664.000.000	585.000.000
Thu nhập các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Công ty	802.750.000	967.750.000
Tổng cộng	1.946.750.000	2.032.750.000

10. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Tập đoàn có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Tập đoàn.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Tập đoàn có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Tập đoàn có thể có các rủi ro thị trường sau:
 - + Rủi ro lãi suất
 - + Rủi ro tiền tệ
 - + Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Tập đoàn đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Tập đoàn. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Tập đoàn. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Tập đoàn có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Giá trị ghi số		VND
	31/12/2015	01/01/2015	
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.841.668.437	36.580.192.649	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	137.227.205.496	85.597.119.559	
Đầu tư ngắn hạn	11.209.000.000	4.547.000.000	
Cộng	175.277.873.933	126.724.312.208	
Công nợ tài chính			
Phải trả người bán và phải trả khác	63.758.109.143	28.945.677.258	
Vay	20.970.461.000	6.248.390.000	
Chi phí phải trả	5.731.483.087	2.273.702.188	
Dự phòng phải trả ngắn hạn	3.986.500.000	3.500.000.000	
Cộng	94.446.553.230	40.967.769.446	

Rủi ro tín dụng

Tập đoàn kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Tập đoàn đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Tập đoàn có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây.

	31/12/2015	01/01/2015	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.841.668.437	36.580.192.649	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	137.227.205.496	85.597.119.559	
Cộng	164.068.873.933	122.177.312.208	

Tập đoàn không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu.

Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp. Thuyết minh 5.5 cung cấp những phân tích về phòng phải thu khó đòi.

Rủi ro thanh khoản

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng.

	VND		
	Vay và nợ	Nợ phải trả	Cộng
Dưới 01 năm	20.970.461.000	71.869.832.230	92.840.293.230
Từ 1 – 3 năm	-	1.606.260.000	1.606.260.000
Số dư ngày 31/12/2015	20.970.461.000	73.476.092.230	94.446.553.230
	VND		
	Vay và nợ	Nợ phải trả	Cộng
Dưới 01 năm	6.248.390.000	34.719.379.446	40.967.769.446
Số dư ngày 01/01/2015	6.248.390.000	34.719.379.446	40.967.769.446

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Tập đoàn dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Tập đoàn dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Tập đoàn đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay theo lãi suất thả nổi. Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất.

	Năm 2015	VND Năm 2014
Nợ tài chính:		
Theo lãi suất thả nổi	15.916.033.500	6.248.390.000
Không chịu lãi suất	5.054.427.500	-

Để quản lý rủi ro về lãi suất, Tập đoàn duy trì một cơ cấu hợp lý giữa lãi suất thả nổi và lãi suất cố định.

Phân tích độ nhạy cảm

Phân tích này được thực hiện đối với các khoản nợ tài chính theo lãi suất thả nổi. Ban Giám đốc đánh giá rằng một khoản thay đổi về lãi suất là 1% có thể xảy ra vào cuối năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016. Ảnh hưởng về thay đổi lãi suất đối với các khoản nợ tài chính theo lãi suất thả nổi, nếu đã xảy ra vào cuối niên độ hiện hành, đã được đánh giá về mặt thay đổi dòng tiền và chi phí và đã được định lượng như sau:

Một khoản tăng hoặc giảm 1% lãi suất có thể làm tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế là 163.569.596 VND (2014: 48.737.442 VND).

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt và phát hành vào ngày 25 tháng 03 năm 2016.

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN NGỌC DŨNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HẬU VĂN TUẤN

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ ĐÌNH HIỀN